TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 54/2018/ DSST
Ngày: 09/7/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Lê Minh Chiến
2- Bà Nguyễn Thị Thảo
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2018. Ngày 15/6/2018 Tòa án đã thông báo chuyển sang giải quyết án dân sự vì xác định quan hệ mua bán trên phát sinh trong lĩnh vực dân sự .

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình Ch , sinh năm 1960 (Có mặt)
Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H , sinh năm 1970 (Có mặt)
Bà Dương Thị S , sinh năm 1969 (Vắng mặt)
(Bà Dương Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1964 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn T , xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2018, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Đình Ch trình bày: Vào năm 2011, giữa vợ chồng ông (Lê Đình Ch - bà Nguyễn Thị T) và vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H -bà Dương Thị S có quan hệ mua bán thức ăn gia súc, ông là bên bán còn ông H là bên mua, ông có giấy phép đăng ký kinh doanh.Việc mua bán ông có theo dõi sổ ghi cụ thể ngày tháng giao nhận hàng, số lượng hàng, giá tiền, thời gian đầu giao hàng trả tiền nhưng về sau ông H trả theo kiểu nợ gối đầu. Ông H mua hàng đem về bán lại cho các hộ chăn nuôi khác

kiếm lời và cứ vài tháng là đối chiếu số tiền còn nợ, mãi đến ngày 22/01/2017(AL), ông H đã đối chiếu và ghi số nợ vào sổ của ông với nội dung " *7 Vĩnh mang sang 2017 = 197. 897.000đ. Ngày 22/01/2017 còn lại 182.357.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm năm bảy nghìn"* sau đó ông H không có lấy cám để bán lại cho các hộ chăn nuôi khác nữa mà chỉ mua cám chăn nuôi tại nhà, đến ngày 20/10/2017(AL) thì mua thêm với số tiền là 9.835.000đ, tổng số tiền nợ là 192.192.000đ. Ông nhiều lần đòi nợ nhưng bên mua không trả.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H - bà S có nghĩa vụ thanh toán tiền mua thức ăn gia súc còn nợ cho vợ chồng ông với số tiền là 192.192.000đ(Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng) vào thời gian sớm nhất và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả trên số tiền do ông H ghi sổ chốt nợ 182.357.000đ, thời điểm tính từ ngày 20/10/2017(AL) cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2018,các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ông thống nhất như lời của ông Ch về thời điểm mua bán, mặt hàng, hình thức mua bán, ngày chốt nợ và thừa nhận số tiền mua cám còn nợ, ông xác định chữ viết trong sổ mà Tòa đưa cho ông xem đúng là chữ viết của ông có ghi "*Ngày 22/01/2017 còn lại 182.357.000đ"* tên thường gọi của ông ở nhà tên là 7 Vĩnh nên khi ghi sổ lấy tên Bảy Vĩnh). Mục đích mua cám về chăn nuôi, thời gian đầu ông có bán lại cho các hộ khác nhưng sau đó không có bán nữa mà chủ yếu chăn nuôi, ông không có giấy phép kinh doanh, số tiền nợ này vợ ông cũng biết, nguyên nhân không trả nợ được là do heo bị dịch nên thua lỗ. Nay ông xác định còn nợ tiền mua cám của vợ chồng ông Ch là 192.192.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng), xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ từ nay cho đến khi hết số nợ trên, xin khoản tiền lãi chậm trả trong thời gian qua.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2018 bị đơn bà Dương Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Mạnh Hù quan hệ là vợ chồng, bà không nhớ thời gian cụ thể nhưng trước đây chồng bà có mua cám của ông Ch , thời gian đầu có bán lại cho các hộ chăn nuôi khác kiếm lời, sau đó chỉ mua về chăn nuôi tại nhà nhưng bị thua lỗ do dịch bệnh. Nay bà xác định còn nợ tiền mua cám của vợ chồng ông Ch là 192.192.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng), bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ từ nay cho đến khi hết số nợ trên, xin khoản tiền lãi chậm trả trong thời gian qua.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Lê Đình Ch quan hệ là vợ chồng, bà thống nhất như toàn bộ lời trình bày của ông Ch về thời điểm mua bán, mặt hàng mua bán, hình thức mua bán và cả số tiền ông H còn nợ là 192.192.000đ. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H - bà Dương Thị S có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 192.192.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng) vào thời gian sớm nhất và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, theo lãi suất Ngân hàng, thời điểm trả lãi từ tháng 01/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 357,430,431,433 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đình Ch, buộc vợ chồng ông H- bà S trả tiền mua hàng còn nợ cho vợ chồng ông Lê Đình Ch - bà Nguyễn Thị T số tiền là 192.192.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*: Ông Lê Đình Ch yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H - bà Dương Thị S thanh toán tiền mua cám đây là quan hệ mua bán phát sinh trong lĩnh vực dân sự, thời điểm khi thụ lý là án Kinh doanh thương mại do sự nhầm lẫn về hợp đồng mua bán hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nên Tòa đã thông báo chuyển giải quyết loại án dân sự, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán" được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H đang cư trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] *Về áp dụng pháp luật và thời hiệu:* Theo điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thì vụ án trên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015. Thời điểm nguyên đơn ông Lê Đình Ch xác định bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Dương Thị S không trả tiền mua cám còn nợ vào ngày 20/10/2017(AL)tức là ngày 07/12/2017 Dl (Ngày vi phạm nghĩa vụ), tính đến ngày ông Chư nộp đơn khởi kiện là ngày 14/ 5/2018, theo quy định tại Điều 429 BLDS thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Dương Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S .

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán:* Ông Ch đưa ra chứng cứ là sổ theo dõi việc mua bán, có thể hiện số hàng nhận, số tiền hàng và có chữ ký, chữ viết của bị đơn là ông Nguyễn Mạnh H chốt số tiền nợ, (Ông H có tên thường gọi là ông bảy Vĩnh) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông H cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong sổ ghi nợ "*Ngày 22/01/2017 còn lại*

182.357.000đ" và cả số tiền mà ông Ch tự ghi theo dõi mua cám sau khi ông chốt sổ 9.835.000đ, thống nhất tổng số tiền còn nợ là 192.192.000.đ, phù hợp với quy định tại Điều 430, 431,433 của BLDS, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông H - bà S còn nợ tiền mua thức ăn gia súc của vợ chồng ông Chư- bà T tổng số tiền 192.192.000đ là có cơ sở .

[2.2] *Về trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ*: Theo Điều 440 BLDS quy định "… *nếu các bên không có sự thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả ...."* quy định tại Điều 357 BLDS *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*…" Giữa ông Ch và ông H không có thỏa thuận về việc trả lãi nên khi có tranh chấp thì lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 468 BLDS thì lãi suất tính là 10% /năm. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Ch không tính lãi số tiền 9.835.000đ mà ông H mua cám sau khi chốt sổ ghi nợ. Thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2017AL tức là 18/02/2017 Dl đến ngày 09/7/2018 là 505 ngày. Tiền lãi là: 182.357.000đ x (505 ngày: 365 ngày) x 10% = 25.230.000đ.

Vậy tổng số tiền còn nợ phải thanh toán là (192.192.000đ + 25.230.000đ = 217.422.000đ.

[2.3] *Về nghĩa vụ thanh toán tiền:* Ông H trực tiếp giao dịch mua bán đối chiếu ký nhận vào sổ theo dõi, bà S cũng có vài lần nhận hàng, căn cứ Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình cả vợ chồng ông H - bà S phải cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên. Về số tiền nợ do ông Ch giao dịch mua bán với ông H là tài sản chung của vợ chồng nên vợ chồng ông H - bà S có nghĩa vụ thanh toán cho cả vợ chồng ông Ch – bà T là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] *Về phương thức thanh toán nợ*: Về đề nghị của bị đơn vợ chồng ông H - bà S xin trả dần hàng tháng, ông H trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, còn bà S trả dần mỗi tháng 5.000.000đ nhưng không được ông Ch chấp nhận và pháp luật không có quy định, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông H-bà S .

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, vợ chồng ông H - bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 217.422.000đ x 5% = 10.871.000đ

[2.6] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Khoản 1 Điều 39,147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 429, 430, 431,433, 440, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 33 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Ch , buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H - bà Dương Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 217.422.000đ(Hai trăm mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) cho vợ chồng ông Lê Đình Ch-bà Nguyễn Thị T. Trong đó tiền mua cám còn nợ là 192.192.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu, một trăm chín mươi hai nghìn) và tiền lãi chậm trả là 25.230.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Bác yêu cầu của ông H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) và bà S xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ(Năm triệu đồng), do ông Ch không chấp nhận.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H - bà Dương Thị S phải chịu 10.871.000đ(Mười triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng). Vợ chồng ông Ch - bà T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Lê Đình Ch 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008672 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4.Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông Lê Đình Ch , ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Dương Thị S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
-Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Oanh